

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

=====

ĐOÀN THỊ QUÝ

**QUAN NIỆM CỦA JOH RAWLS VỀ
CÔNG BẰNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA
NÓ ĐẾN MỘT SỐ NHÀ TRIẾT HỌC
ANH – MỸ ĐƯƠNG ĐẠI**

Chuyên ngành: CNDVBC & CNDVLS

Mã số: 62 22 03 02

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI – 2020

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. NGUYỄN ANH TUẤN

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ họp
tại Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội
vào hồi giờ ngày tháng năm 2020

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

John Rawls (1921 - 2002) là nhà triết học Mỹ thuộc trào lưu chủ nghĩa tự do. Ông được nhiều nhà nghiên cứu đánh giá là một trong những nhà triết học chính trị lỗi lạc nhất thế kỷ XX. Có thể nói, Rawls có vị trí đặc biệt quan trọng trong lịch sử triết học chính trị. Ông chính là người có công hồi sinh triết học chính trị, buộc các nhà triết học quay trở lại những vấn đề quan trọng của triết học chính trị như công bằng, tự do, dân chủ... Vào những năm 1950 - 1960, triết học chủ yếu chú trọng tới logic học và ngôn ngữ học. Các nhà triết học chỉ đánh giá cao những vấn đề có thể luận chứng, thực nghiệm được. Triết học chính trị lúc này chỉ có nhiệm vụ diễn giải, làm sáng tỏ khái niệm. Với tác phẩm *Lý thuyết về công lý*, ông đã làm sống lại một trong những mối quan tâm chung của triết học chính trị, đó là xã hội công bằng sẽ như thế nào? Làm thế nào mà xã hội vừa đảm bảo công bằng vừa tạo động lực thúc đẩy cá nhân theo đuổi một cuộc sống tốt đẹp? Ảnh hưởng của *Lý thuyết về công lý* lớn đến mức Robert Nozick (1938 - 2002) khẳng định “các nhà triết học chính trị bây giờ chỉ nghiên cứu học thuyết của Rawls hoặc giải thích tại sao không làm việc đó” [122, tr.183]. Quan niệm về công bằng của Rawls trong tác phẩm này đã làm nảy sinh nhiều cuộc tranh luận bàn về công bằng sau đó. Nhiều nhà triết học cùng thời và sau Rawls đều lấy việc phê phán quan niệm công bằng của Rawls để làm “cửa ngõ” đi vào triết học của mình. Cuộc tranh luận về công bằng giữa Rawls và những nhà triết học theo chủ nghĩa cộng đồng cũng được xem là một trong những đặc điểm nổi bật của triết học chính trị đương đại. Bản thân Rawls cũng tiếp thu một số những phê bình để hoàn thiện quan niệm về công bằng của mình. Điều đó thể hiện rõ trong một số tác phẩm tiêu biểu khác của ông, như *Luật dân tộc*, *Công lý như là công bằng: sự trình bày lại...*

Ở Việt Nam, bàn về quan niệm công bằng của John Rawls, các nhà nghiên cứu mới chỉ đi sâu tìm hiểu quan niệm của ông trong tác phẩm *Lý thuyết về công lý*. Quan niệm về công bằng của Rawls sau tác phẩm này, những thay đổi trong quan niệm về công bằng của Rawls, đánh giá về quan niệm công bằng của Rawls và ảnh hưởng của ông tới quan niệm về công bằng của các nhà triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại nói chung vẫn còn hạn chế.

Mặt khác, sau hơn 30 năm đổi mới, mặc dù Việt Nam đã đẩy mạnh thực hiện công bằng theo cả chiều rộng và chiều sâu, và đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể nhưng thực trạng thực hiện công bằng xã hội ở nước ta vẫn bộc lộ một số khiếm khuyết như sự phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội diễn ra ngày càng gay gắt... Để có thể có được cái nhìn khái quát về quan niệm công bằng của John Rawls, ảnh hưởng của Rawls tới quan niệm của một số nhà triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại và trên cơ sở đó đưa ra một số gợi ý cho việc thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay, NCS lựa chọn ***Quan niệm của John Rawls về công bằng và ảnh hưởng của nó đến một số nhà triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại*** làm đề tài luận án của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích của luận án: Phân tích quan niệm của John Rawls về công bằng, chỉ ra những ảnh hưởng của nó đến quan niệm của một số nhà triết học Anh – Mỹ đương đại, để từ đó đưa ra một số đánh giá về

Nhiệm vụ của luận án:

- Nêu và phân tích bối cảnh, tiền đề dẫn tới sự hình thành quan niệm công bằng của John Rawls.

- Khái quát hóa, hệ thống hóa những nội dung chính trong quan niệm công bằng của Rawls thể hiện trong một số tác phẩm của ông.

- Phân tích những ảnh hưởng từ quan niệm về công bằng của Rawls tới một số nhà triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại. Trên cơ sở đó, rút ra một số gợi ý nhằm đảm bảo tốt hơn công bằng xã hội trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

Đối tượng: quan niệm về công bằng của John Rawls và ảnh hưởng của nó tới quan niệm của một số nhà triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại.

Phạm vi: luận án khái quát quan niệm về công bằng của John Rawls trong một số tác phẩm tiêu biểu của ông: *Lý thuyết về công lý*, *Chủ nghĩa tự do chính trị*, *Luật các dân tộc*, *Công lý như là công bằng: sự trình bày lại*. Luận án cũng chỉ ra những ảnh hưởng của quan niệm đó tới quan niệm của các nhà triết học triết học Anh – Mỹ tiêu biểu đương đại (từ năm 1970 đến nay).

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận: luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận triết học Mác - Lênin về mối quan hệ tương tác giữa các tư tưởng, quan niệm mácxít về bình đẳng, tiến bộ và công bằng xã hội.

Phương pháp nghiên cứu: luận án vận dụng phương pháp luận tiếp cận biện chứng duy vật với các phương pháp nghiên cứu như thống nhất lịch sử - logic, phân tích – tổng hợp, quy nạp - diễn dịch, so sánh, trừu tượng hóa, khái quát hóa...

5. Đóng góp mới của luận án

- Luận án phân tích và khái quát được những điều kiện, tiền đề quan trọng dẫn tới sự hình thành quan niệm về công bằng của John Rawls.

- Luận án hệ thống hóa và phân tích sâu những nội dung cơ bản trong quan niệm về công bằng của John Rawls, chỉ ra quá trình ông thay đổi quan niệm qua các giai đoạn khác nhau.

- Luận án làm rõ những ảnh hưởng từ quan niệm của John Rawls đến quan niệm về công bằng của một số nhà triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Về mặt lý luận: luận án góp phần nghiên cứu một cách có hệ thống quan niệm về công bằng của John Rawls và ảnh hưởng của nó tới quan niệm của một số nhà triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại.

Về mặt thực tiễn: luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy triết học của John Rawls nói riêng, triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại nói chung.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình của tác giả có liên quan đến luận án đã được công bố và danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương, 14 tiết.

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1 Những công trình nghiên cứu liên quan đến tiền đề tư tưởng, cơ sở hình thành và phát triển quan niệm về công bằng của John Rawls

1.1.1. Những công trình nghiên cứu ngoài nước

Có nhiều công trình ngoài nước bàn về cuộc đời, sự nghiệp và tiền đề tư tưởng hình thành nên quan niệm công bằng của Rawls, tiêu biểu là các công trình sau: Putnam (2005), “John Rawls”, Samuel Freeman (2007), *Rawls*, Routledge; Andrius Galisanka (2013), “*John Rawls: the path to A theory of Justice*”, dissertation submitted in partial satisfaction of the requirements for the degree of Doctor of Philosophy in Political Science in the Graduate Division of the University of California, Berkeley; Thomas Pogge (2007), *John Rawls: his life and theory of justice*, Oxford University Press....

1.1.2 Những công trình nghiên cứu ở trong nước

Có thể nói, đáng chú ý nhất trong những công trình nghiên cứu trong nước về tư tưởng triết học của Rawls phải kể đến luận án tiến sĩ của Trần Thảo Nguyên (2006) với đề tài *Triết học kinh tế trong “Lý thuyết về công lý” của nhà triết học Mỹ John Rawl*. Ngoài ra, có thể kể đến các công trình sau: Phạm Thị Ngọc Trâm (chủ biên) (2009), *Những vấn đề lý luận cơ bản về công bằng xã hội trong điều kiện nước ta hiện nay*, Bùi Đại Dũng (2012), *Công bằng trong phân phối cơ sở để phát triển bền vững*, Trần Thị Lan Hương (chủ biên) (2016), *Thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế ở Việt Nam hiện nay* và các bài viết như: Nguyễn Minh Hoàn (2008), “Công bằng trong quan niệm của một số nhà triết học chính trị Mỹ”, Nguyễn Đăng Dung (2019), “Lịch sử tư tưởng về công lý và công bằng”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Thực hiện công bằng xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam”*... Cũng giống Trần Thảo Nguyên, các tác giả của những công trình kể trên đều cho rằng quan niệm về công bằng của Rawls trong *Lý thuyết về công lý* đã kế thừa quan niệm khế ước xã hội của một số nhà triết học thuộc trào lưu chủ nghĩa tự do cổ điển, quan niệm đạo đức của Kant. Tuy nhiên, những công trình kể trên chỉ mới dừng ở mức độ nêu ra chứ không phân tích sự chuyển hóa những tiền đề sang quan niệm về công bằng của Rawls.

1.2. Những công trình nghiên cứu liên quan đến quan niệm về công bằng của John Rawls

1.2.1. Những công trình ngoài nước

Về các công trình hệ thống hóa triết học chính trị phương Tây có đề cập đến quan niệm của Rawls về công bằng, có thể kể đến các công trình như: David Miller (2003), *Triết học*

chính trị: một giới thiệu ngắn gọn (Political Philosophy: a very short introduction), Will Kimlicka (2002) *Giới thiệu về triết học chính trị đương đại* (Contemporary political philosophy – An introduction) ; Robert E. Goodin, Philip Pettit and Thomas Pogge (biên tập, 2007), *Đồng hành cùng triết học chính trị đương đại* (A companion to contemporary political philosophy); Thomas Christino và John Christmas (biên tập, 2009), *Những tranh luận đương đại về triết học chính trị* (Contemporary debates in political philosophy) [88]; John Christman (2002), *Giới thiệu về triết học chính trị xã hội* (Social and political philosophy: An contemporary introduction); Norman P. Barry (1995), *Giới thiệu về học thuyết chính trị hiện đại* (An introduction to modern political theory)...

Về những nội dung cơ bản trong quan niệm của Rawls về công bằng trong tác phẩm *Lý thuyết công lý*, có thể kể các công trình sau: *Đọc Rawls: những nghiên cứu mang tính phản biện về “Lý thuyết công lý của Rawls”* (Reading Rawls: critical studies on Rawls’s A theory of Justice) [90] được Norman Daniels biên tập (1975); *Hiểu Rawls: tái dựng lại Lý thuyết về công lý và phê phán nó* (Understanding Rawls: a reconstruction and critique of A theory of Justice) của tác giả Robert Paul Woff (1977); *Giới thiệu về lý thuyết công bằng xã hội của John Rawls* (John Rawls’s theory of social justice: an introduction) [83] được biên tập bởi H. Gene Blocker, Elizabeth H. Smith (1980)...

Về những nội dung cơ bản trong quan niệm của Rawls về công bằng trong tác phẩm *Luật các dân tộc*, các nhà nghiên cứu như Chris Naticchia, Burleigh T. Wilkins, Joseph Heath trong các công trình sau Fernando R. Tesón (1998), *Học thuyết của Rawls về luật quốc tế* (The Rawlsian Theory of International Law) trong cuốn sách *A Philosophy of International Law* (Boulder, CO: Westview, 1998) [144]. Burleigh T. Wilkins (2007), “Các nguyên tắc dành cho luật các dân tộc” (Principles for the law of peoples), *The Journal of Ethics*, vol.11, Pp.161-175 [147]; Chris Naticchia (1998), “Quyền con người, chủ nghĩa tự do và luật các dân tộc của Rawls” (Human rights, liberalism, and Rawl's Law of Peoples), *Social Theory and Practice*, Vol. 24, No.3, pp. 345-374 [121]; Joseph Heath (2005), “Bảo vệ quan niệm công bằng trong phân phối toàn cầu của Rawls” (Rawls on Global Distributive Justice: A Defence) [101]... đã đi sâu bàn luận.

1.2.2 Những công trình nghiên cứu trong nước

Bàn về quan niệm công bằng của Rawls, có thể kể một số công trình nghiên cứu trong nước như sau: bài viết *Lịch sử tư tưởng về công lý và công bằng* của Nguyễn Đăng Dung (2019); bài viết *Công bằng trong quan niệm của một số nhà triết học chính trị Mỹ* của tác giả Nguyễn Minh Hoàn (2008)... Ngoài ra, quan niệm về công bằng của J. Rawls cũng được Trần Thảo Nguyên (2004 và 2006) khái quát trong bài viết *Khái niệm công bằng trong triết học chính trị phương Tây hiện đại và vấn đề công bằng xã hội trong “Lý thuyết về công bằng” của John Rawls* và công trình *Triết học kinh tế trong “Lý thuyết về công lý” của nhà triết học Mỹ John Rawls*...

1.3 Những công trình nghiên cứu liên quan đến ảnh hưởng của quan niệm về công bằng của John Rawls tới một số nhà triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại

Do John Rawls có vị trí đặc biệt trong triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại, nên hầu hết các công trình khi nghiên cứu quan niệm về công bằng xã hội của một số nhà triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại nói chung đều có xu hướng phân chia quan niệm về công bằng trong triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại thành hai phần: quan niệm của chính John Rawls và quan niệm sau ông về công bằng. Tiêu biểu trong số những công trình đó, có thể kể tên những công trình sau: George Kloslo (2011), *Triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại* (Anglo-American contemporary political philosophy); Richard J. Arneson (2013), *Công bằng sau Rawls* (Justice after Rawls); Jerry E. Herbel (2001), *Công bằng trong văn hóa và chính trị Mỹ* (Fairness in American politics and culture) ...

1.4 Đánh giá chung các công trình nghiên cứu liên quan và định hướng nghiên cứu của luận án

Sau khi nghiên cứu các công trình khoa học có liên quan tới đề tài luận án, tác giả luận án rút ra một số kết luận sau:

Có nhiều công trình ngoài nước bàn về tiền đề tư tưởng hình thành nên quan niệm công bằng của Rawls, cũng như trình bày quan niệm về công bằng của ông trên nhiều chiều cạnh khác nhau. Những công trình này đã chỉ ra được những tư tưởng triết học mà quan niệm công bằng của Rawls chịu ảnh hưởng, những nội dung chính trong quan niệm công bằng của Rawls. Tuy nhiên, có rất ít công trình nghiên cứu quan niệm về công bằng của Rawls dựa trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Bối cảnh hình thành nên quan niệm công bằng của Rawls chưa được chú trọng nghiên cứu.

Các công trình nghiên cứu trong nước về quan niệm công bằng của Rawls cũng đã phần nào chỉ ra được một số tiền đề tư tưởng, bối cảnh hình thành nên quan niệm của ông, các luận điểm cơ bản về công bằng mà ông đưa ra trong *Lý thuyết về công lý*. Tuy nhiên, so với các công trình ngoài nước, các công trình nghiên cứu trong nước vẫn còn nhiều hạn chế. Một mặt, có ít công trình nghiên cứu đề tài này. Ngoài cuốn sách *Triết học kinh tế trong “Lý thuyết về công lý” của nhà triết học Mỹ John Rawls* của Trần Thảo Nguyên, các công trình còn lại đa số là bài tạp chí, bài hội thảo... Mặt khác, những công trình nghiên cứu về Rawls ở Việt Nam mới chỉ tập trung nghiên cứu quan niệm công bằng của ông trong tác phẩm *Lý thuyết về công lý*. Và hầu như chưa có công trình nào ở nước ta chỉ ra ảnh hưởng từ quan niệm công bằng của Rawls tới một số nhà triết học Anh – Mỹ đương đại. Quan niệm về công bằng của ông ở các tác phẩm khác, sự thay đổi lập trường nghiên cứu của Rawls ở giai đoạn sau *Lý thuyết về công lý*, ảnh hưởng của ông tới các nhà triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại chính là khoảng trống trong nghiên cứu ở Việt Nam hiện nay.

Trên cơ sở thừa các kết quả nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước như đã nêu ở trên, luận án tiếp tục đi sâu, làm rõ những nội dung sau:

Thứ nhất, nghiên cứu bối cảnh, tiền đề hình thành nên quan niệm về công bằng của Rawls nói chung. Từ đó chỉ ra được bối cảnh, tiền đề chính ảnh hưởng mạnh mẽ tới quan niệm công bằng của ông.

Thứ hai, khái quát hóa, hệ thống hóa những nội dung chính trong quan niệm công bằng của Rawls không chỉ thể hiện trong tác phẩm *Lý thuyết về công lý* mà còn thể hiện qua một số tác phẩm ở giai đoạn sau của ông.

Thứ ba, nêu và phân tích ảnh hưởng của quan niệm về công bằng của Rawls tới một số nhà triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại. Trên cơ sở đó, rút ra một số gợi ý cho việc đảm bảo công bằng xã hội trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay.

Chương 2: NHỮNG ĐIỀU KIỆN, TIỀN ĐỀ CHO SỰ HÌNH THÀNH QUAN NIỆM CỦA JOHN RAWLS VỀ CÔNG BẰNG

2.1. Cuộc đời và sự nghiệp của John Rawls

John Rawls tên đầy đủ là John Bordley Rawls (1921-2002), được sinh ra trong một gia đình giàu có ở Baltimore, Maryland, Mỹ. Cha ông là một luật sư thuế đồng thời là chuyên gia lập pháp rất thành công còn mẹ ông là chủ tịch hiệp hội cử tri nữ ở địa phương. Bà là người hoạt động rất tích cực để thúc đẩy dân chủ, đấu tranh cho quyền bầu cử của phụ nữ. Những hoạt động của bà đã ảnh hưởng không nhỏ tới Rawls. Ngoài ra, những ký ức thơ ấu về cái chết của hai người em cũng tác động mạnh mẽ tới ông. Rawls sau này đã thừa nhận rằng bi kịch về cái chết của hai người em đã thúc đẩy tận tụy nói lắp nghiêm trọng của ông. Sự kiện này cũng khiến Rawls nhận thức sâu sắc rằng những bất bình đẳng về tự nhiên ngay từ đầu đã tác động lớn đến cuộc đời một con người.

Rawls theo học ở trường Calvert (Baltimore) trong vòng 6 năm, trước khi chuyển sang trường Ken (Connecticut). Ông tốt nghiệp trường Kent và vào Đại học Princeton vào năm 1939. Đây cũng là thời điểm nổ ra cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai, và cuộc chiến tranh này như Rawls khẳng định đã “phủ bóng” lên mọi lĩnh vực trong đời sống của Rawls, đã kích thích sự quan tâm của ông đối với chính trị nói chung, và các nguyên tắc về công bằng quốc tế nói riêng. Sau khi hoàn thành học kỳ đầu tiên, Rawls gia nhập quân đội Mỹ với tư cách là một lính bộ binh, đóng quân ở New Guinea và Philippines. Sau chiến tranh, ông trở lại trường Princeton để tiếp tục học đại học và làm tiến sĩ. Đề tài luận án của ông liên quan tới quy trình ra quyết định đạo đức và được hoàn thành vào năm 1950. Ngay sau đó, ông được mời làm việc tại Đại học Oxford và vào năm 1953, ông chuyển tới trường Đại học Cornell. Ở Oxford, Rawls đã bắt đầu hình thành khái niệm “vị trí ban đầu”, mặc dù bước đột phá về tư tưởng của ông phải kể đến việc ông đưa ra khái niệm “bức màn vô minh” trong chuyên đề “Công lý như là công bằng” vào năm 1957. Chuyên đề này được coi như là bản thảo của *Lý thuyết về công lý* và Rawls đã dành cả thập kỷ tiếp theo để sửa đổi bản thảo này. Năm 1960, ông đảm nhận vị trí giảng dạy tại Viện công nghệ Massachusetts, trước khi chuyển tới làm giáo sư tại trường Đại học Harvard (1961). Ông gắn bó với ngôi trường này cho đến cuối đời.

Năm 1971, Rawls xuất bản quyển sách *Lý thuyết về công lý*. Rawls đã rất ngạc nhiên trước thành công của *Lý thuyết về công lý*. Mặc dù nổi tiếng, ông vẫn tiếp tục sống cuộc đời

của một học giả ẩn danh, công hiến hết mình cho gia đình, nghiên cứu và giảng dạy. Sau *Lý thuyết về công lý*, ông hy vọng sẽ nghiên cứu sâu một vấn đề khác biệt, về tâm lý đạo đức. Tuy nhiên, sự quan tâm to lớn đối với cuốn sách và sự tranh cãi mà nó gây ra, buộc ông phải dành phần lớn thời gian còn lại của mình bảo vệ lý lẽ của nó. Trong quá trình đó, quan điểm của Rawls đã trải qua sự thay đổi đáng kể.

Năm 1993, ông đã xuất bản cuốn sách thứ hai của mình *Chủ nghĩa tự do chính trị*. Quyển sách này tập hợp và sửa đổi một số tác phẩm chính của ông kể từ *Lý thuyết về công lý*. Chủ đề chính là cuốn sách này là phân tích sự khác biệt giữa chủ nghĩa tự do với tư cách là một triết lý sống và với tư cách là một tín ngưỡng chính trị. Vào năm 1999, Rawls đã xuất bản quyển sách thứ ba của mình là *Luật các dân tộc*. Với tác phẩm này, Rawls cố gắng mở rộng phạm vi áp dụng nguyên tắc công bằng ở phương diện quốc tế

2.2. Những điều kiện cho sự ra đời quan niệm về công bằng xã hội của John Rawls

2.2.1. Chiến tranh thế giới lần thứ II và chiến tranh Việt Nam

Rawls đã chỉ ra một số yếu tố ảnh hưởng đến quan niệm về công bằng của mình, trong đó ông nhấn mạnh những cuộc chiến tranh mà ông đã trải qua. Ông đã tham gia quân đội Mỹ từ năm 1943 đến năm 1946, đóng quân ở Thái Bình Dương, New Guinea, Nhật Bản và Philippines. Có ba sự kiện xảy ra trong quá trình Rawls tham gia quân đội đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến ông [80, tr.22-24]. Có thể nói, những trải nghiệm trong chiến tranh thế giới thứ 2 chính là chất xúc tác khiến ông thay đổi nhận thức của mình về vấn đề công bằng. Từ chỗ đặt niềm tin vào Chúa, ông trở nên hoài nghi vào công lý của Chúa. Ông nghi ngờ những lời cầu nguyện và luôn trăn trở về vấn đề cái ác.

Cuộc chiến tranh nữa có tác động mạnh mẽ tới nhận thức của Rawls chính là chiến tranh Việt Nam. Mặc dù Rawls không tham gia vào cuộc chiến này, nhưng những sự kiện liên quan đến chiến tranh Việt Nam đã khiến Rawls suy nghĩ về công bằng trong chiến tranh, những khiếm khuyết trong hệ thống chính trị Mỹ...

2.2.2. Sự biến đổi kinh tế, xã hội nước Mỹ nửa sau thế kỷ XX

Quan niệm về công bằng của John Rawls cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ bối cảnh kinh tế - xã hội nước Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ 2. Có thể nói tình hình kinh tế - xã hội Mỹ đã có sự biến đổi sâu sắc từ sau chiến tranh thế giới thứ 2. Một trong những đặc điểm nổi bật của Mỹ thời kỳ sau chiến tranh thế giới lần thứ 2 là tiêu dùng phát triển mạnh mẽ. Sau giai đoạn suy thoái và những năm tháng hạn chế vì chiến tranh, nước Mỹ bước vào giai đoạn hàng hóa tiêu dùng dư thừa chưa từng thấy. Vào giai đoạn khi Mỹ trở thành xã hội tiêu dùng đại chúng thì cũng là thời kỳ nước Mỹ xuất hiện nhiều phong trào xã hội làm thay đổi cách người Mỹ hiểu về các mối quan hệ xã hội.

Có thể khẳng định sự gia tăng trong sản xuất hàng hóa, dư thừa về tiêu dùng ở Mỹ, sự phân phối không đồng đều của cải chính là một nhân tố thúc đẩy Rawls xem xét lại vấn đề công bằng trong phân phối. Ngoài ra, những phong trào đấu tranh dân sự đòi quyền tự do, bình đẳng... cũng là một yếu tố nổi trội tác động không nhỏ tới tư tưởng chính trị của ông.

2.2.3. Sự tác động của toàn cầu hóa tới Mỹ và các nước phương Tây

Bên cạnh những yếu tố kể trên, có thể nói rằng toàn cầu hóa cũng làm thay đổi diện mạo các nước phương Tây nói chung, nước Mỹ nói riêng.

Toàn cầu hóa làm cho khoảng cách giàu nghèo trên thế giới ngày càng doãng ra. Ngoài ra, toàn cầu hóa kinh tế thúc đẩy sự tự do các luồng vốn đầu tư và chính điều này đã tạo nên nhiều cuộc khủng hoảng, suy thoái kinh tế. Bên cạnh đó, khi “biên giới” các quốc gia bị mềm đi, nhà nước dân tộc cũng không còn giữ được một số vai trò truyền thống. Sự thay đổi của kinh tế đã làm cho cơ cấu xã hội các nước phương Tây có sự biến đổi sâu sắc. Những năm 1970, 1980, cấu trúc xã hội các nước tư bản phát triển là 5-10% dân số thuộc giới thượng lưu, 60-65% thuộc tầng lớp trung lưu và khoảng 25-30% thuộc tầng lớp dưới. Đến giữa những năm 1990 tại Mỹ tỉ lệ này tương ứng là 5%, 80% và 15% [64, tr.21]. Dưới tác động của toàn cầu hóa, kinh tế - xã hội Mỹ có sự biến đổi to lớn. Sự thay đổi về kinh tế kéo theo sự biến động về mặt xã hội, quan hệ xã hội giữa nhà nước và công dân cũng như với các tổ chức quốc tế... Công bằng không còn là chủ đề chỉ được xem xét gói gọn trong phạm vi quốc gia – dân tộc. Trong bối cảnh đó, Rawls cũng mở rộng quan niệm về công bằng của mình. Nếu trong *Lý thuyết về công lý*, học thuyết công bằng của ông chỉ áp dụng trong phạm vi một quốc gia, thì trong *Luật các dân tộc*, Rawls đã đưa ra các nguyên tắc về công bằng áp dụng cho các dân tộc và điều chỉnh các quan hệ quốc tế.

2.2.4. Sự phát triển của chủ nghĩa tự do

Ngoài sự tác động của toàn cầu hóa, một yếu tố không thể không nhắc đến khi bàn về bối cảnh xã hội nước Mỹ từ sau năm 1945 đến nay chính là sự mở rộng của chủ nghĩa tự do. Chủ nghĩa tự do (Liberalism) là một trào lưu chính thống và chủ đạo trong triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại. Rawls được xem là đại diện tiêu biểu cho chủ nghĩa tự do thời hiện đại. Dựa trên tư tưởng của nhiều triết gia thuộc chủ nghĩa tự do cổ điển, Rawls đã xây dựng lý thuyết về công bằng của mình. Sự phát triển quan niệm về công bằng của ông gắn liền với những bước thăng trầm của chủ nghĩa tự do.

2.3. Tiền đề tư tưởng hình thành quan niệm John Rawls về công bằng

2.3.1 Quan niệm về công bằng của Plato và Aristotle

Rawls không phải là người đầu tiên đưa ra quan điểm “Công lý là đức hạnh đầu tiên của thể chế xã hội” dù ông khẳng định nó. Quan niệm này thực chất đã có mầm mống từ tư tưởng của Plato và Aristotle về công lý, công bằng [142, tr. 64]. Quan niệm về công bằng của Plato thể hiện chủ yếu trong tác phẩm *Cộng hòa*. Đây được coi là tác phẩm triết học đầu tiên cố gắng trình bày một cách có hệ thống ý tưởng về việc tổ chức một xã hội lý tưởng. Trong tác phẩm này, thông qua đối thoại tưởng tượng của Socrates, Plato đã thể hiện quan niệm của mình về công bằng (công bình).

Cũng giống Plato, Aristotle cũng xem công lý/công bằng là một đức hạnh. Nhưng ở Aristotle, công bằng không mang nghĩa toàn diện, bao hàm cả khía cạnh cá nhân và xã hội như ở Plato. Theo Aristotle, công bằng là đức hạnh của thể chế, và tổ chức chính trị.

2.3.2 Quan niệm về tự do, về khế ước xã hội của Locke và Rousseaus

Ngoài việc kế thừa tư tưởng công bằng của Plato, Aristotle, cũng như các nhà triết học tự do cổ điển, Rawls cũng đề cao giá trị tự do trong quan niệm về công bằng. Ngay trong phần đầu tiên của tác phẩm *Lý thuyết về công lý*, Rawls đã khẳng định quyền tự do là một trong những quyền không ai có thể xâm phạm được và ngay cả lợi ích chung của toàn xã hội cũng không thể đặt cao hơn quyền tự do. Chúng ta không thể hy sinh tự do của người khác để đổi lấy lợi ích cho số đông. Và cũng giống như Locke, Rousseaus, Rawls sử dụng khế ước xã hội làm công cụ diễn đạt mang tính giả thuyết hình thành nên toàn bộ học thuyết công bằng của mình trong cả hai tác phẩm *Lý thuyết về công lý* và *Luật các dân tộc*. Nội hàm chính của lý thuyết khế ước xã hội là sự mô tả về quá trình những bản giao ước chung được hình thành như thế nào. Trước khi có sự ra đời của Nhà nước thì đã tồn tại một tình trạng vô chính phủ hoàn toàn, hoặc đó là một trạng thái tự nhiên khi mà con người cá nhân sống với cái quyền tự do và bình đẳng nguyên thủy của mình. Nhưng rồi sau đó người ta tự giác quyết định nhượng một phần quyền tự do ấy cho một Nhà nước để đảm bảo an ninh cho chính mình, đảm bảo quyền tư hữu và những quyền cá nhân khác....

2.3.3. *Quan niệm về tự do ý chí của Kant và quan niệm về cấu trúc xã hội của Hegel*

Ngoài những tư tưởng kể trên, Rawls còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ quan niệm của Kant về tự do, tính tự trị của ý chí. Kant cho rằng có hai loại tự do, đó là tự do kinh nghiệm khi con người muốn làm gì tùy ý và có thêm một loại tự do đó là khi con người hành động tự chủ, nghĩa là chúng ta làm một cái gì đó theo mục đích tự thân. Chúng ta không phải là công cụ cho mục đích ở bên ngoài chúng ta và chính khả năng hành động này đã mang đến phẩm giá cho con người, phân biệt con người và con vật. Hành động tự chủ của ý chí đạt đến trạng thái tự trị khi những nguyên tắc của chúng ta có khả năng trở thành những luật phổ quát, từ đó làm nảy sinh những mệnh lệnh tuyệt đối hay những bổn phận có sự ràng buộc con người một cách vô điều kiện nhằm hướng tới một mục tiêu nào đó. Thừa nhận tính tự trị của ý chí là phẩm chất hàng đầu của con người có đạo đức, Rawls đã dựa vào lý luận này của Kant để đưa ra quan niệm về sự tự quyết trong lý thuyết về công bằng của mình.

Rawls khẳng định *Lý thuyết về công lý* đã tiếp thu của Hegel khi nó xem cấu trúc cơ bản của xã hội như là chủ thể đầu tiên của công lý” [135, tr.366]. Rawls và Hegel đều có chung niềm tin cơ bản rằng những thể chế (và những quy tắc hướng dẫn của chúng) quyết định kiểu người mà chúng ta muốn trở thành. Công dân là kết quả của một quá trình giáo dục. Không giống Kant, những giá trị hướng dẫn và nghĩa vụ được biết đến với tư cách là tiên nghiệm, Rawls cho rằng nền tảng cho những hiểu biết của chúng ta về tự do và bình đẳng được tìm thấy ở quá khứ, ở văn hóa chung phổ biến của xã hội dân chủ mà chúng ta cùng chia sẻ.

2.3.4. *Quan niệm của một số nhà triết học đương đại cùng thời với Rawls và sự phê phán chủ nghĩa công lợi, chủ nghĩa thực giác*

Ngoài những nhà triết học kể trên, quan niệm của Rawls về công bằng cũng chịu ảnh hưởng phần nào từ tư tưởng của những nhà triết học cùng thời với ông như Malcolm, Hart, Berlin...

Rawls phê phán chủ nghĩa công lợi ở chỗ: chủ nghĩa công lợi theo hình thức quan niệm về xã hội như là một cá nhân. Quan niệm về một xã hội được cho là công bằng cũng không khác gì quan niệm về công bằng của cá nhân, đó là đều được tính toán trên cơ sở cân bằng giữa những mất mát và những gì đạt được.

Còn với chủ nghĩa trực giác, Rawls phê phán ở các khía cạnh: thứ nhất, các học thuyết trực giác bao gồm nhiều nguyên tắc đầu tiên và có thể mâu thuẫn trong việc đưa ra những định hướng trong những trường hợp cụ thể. Và thứ hai, các học thuyết trực giác không có phương pháp cụ thể, không có những quy tắc ưu tiên trong việc đánh giá những nguyên tắc này với nguyên tắc khác và để xem xét các nguyên tắc mâu thuẫn nhau, học thuyết trực giác tìm cách cân bằng chúng để đạt được kết quả có vẻ gần đúng nhất. Có nhiều kiểu chủ nghĩa trực giác và một trong những cách để phân biệt chúng đó chính là mức độ khái quát các nguyên tắc. Trong vấn đề công bằng, chủ nghĩa trực giác cũng có nhiều hình thức khác nhau phụ thuộc vào nhóm quy tắc mà chúng áp dụng cho một vấn đề cụ thể về công bằng, ví dụ như công bằng về lương, về đánh thuế, về thưởng phạt...

Kết luận chương 2

John Rawls (1921 - 2002) là một trong những nhà triết học chính trị người Mỹ lỗi lạc nhất của thế kỷ XX. Quan niệm về công bằng của Rawls chịu tác động mạnh mẽ bởi những cuộc chiến tranh mà Mỹ đã trải qua trong thế kỷ XX, sự biến đổi kinh tế - xã hội của Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ 2, ảnh hưởng của toàn cầu hóa và sự phát triển của chủ nghĩa tự do. Ngoài ra, Rawls cũng xây dựng và phát triển quan niệm về công bằng của mình dựa trên việc phê phán quan niệm về công bằng của chủ nghĩa công lợi, chủ nghĩa trực giác và kế thừa tư tưởng triết học của Plato, Aristotle, Locke, Rousseau, Kant, Hegel và một số nhà triết học cùng thời với ông.

Chương 3: QUAN NIỆM VỀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI CỦA JOHN RAWLS

3.1. Quan niệm về công bằng áp dụng trong một quốc gia của Rawls

3.1.1. Về khái niệm công lý, công bằng

Rawls dùng cả thuật ngữ “justice” với cả nghĩa công lý và công bằng (công bằng xã hội), ở một khía cạnh nhất định, công lý được đồng nhất với công bằng, trong đó có thể hiểu “công lý là cái gốc của công bằng” [40, tr.68], công bằng phải xuất phát từ công lý để “hiểu và cư xử với mọi người như nhau, không thiên vị” [40, tr.68].

Còn thuật ngữ “fairness”, ông dùng với nghĩa công bằng dành cho các cá nhân.

3.1.2. Công lý như là công bằng

Công lý như là công bằng” là quan niệm chủ đạo trong học thuyết về công bằng của Rawls. Nói đúng hơn, Rawls cho rằng học thuyết về công bằng của ông chính là “công lý như là công bằng”.

Cũng như các nhà lý luận cùng thời, Rawls cho rằng chúng ta cần chấp nhận sự tồn tại một số bất bình đẳng nhưng không phải mọi bất bình đẳng đều được chấp nhận và theo ông, những học thuyết về công bằng trước đó cũng như hiện tại đều đã bỏ đi một số bất bình đẳng không đáng có. Ông khẳng định, nếu chúng ta cho rằng số phận con người bị ảnh hưởng bởi các yếu

tổ như tầng lớp, giới tính, chủng tộc là không công bằng, vậy tại sao chúng ta không nhìn nhận như vậy đối với những bất công mà những người tàn tật hay người có chỉ số IQ thấp đang phải gánh chịu? Để đảm bảo tính công bằng, Rawls kế thừa quan niệm khế ước của Locke, Rousseau.

Trạng thái tự nhiên được xem là vị trí ban đầu của bình đẳng trong quan niệm khế ước truyền thống. Còn trong quan niệm khế ước của Rawls, trạng thái tự nhiên thông thường không được xem là vị trí ban đầu của quyền bình đẳng. Bởi ở đó, một số người có quyền lực hơn những người bị khuyết tật và “trò chơi xổ số của tự nhiên” sẽ giúp họ có vị trí tốt hơn trong khi những người kém may mắn phải nhượng bộ. Và theo Rawls, điều này là không công bằng. Từ đây, ông đưa ra quan niệm về vị trí ban đầu mà tại đó con người đứng sau “bức màn vô tri”. Ông yêu cầu chúng ta hình dung những nguyên tắc sẽ chọn nếu chúng ta không biết mình thuộc kiểu người nào, lười biếng hay siêng năng, thông minh hay ngu ngốc, bị khuyết tật hay không, nam hay nữ... và cả việc chúng ta không biết mình có vị trí nào trong xã hội, hoàn cảnh xã hội cụ thể chúng ta sống, đó là xã hội thịnh vượng hay không? Vị trí ban đầu cho thấy một tình huống công bằng mà từ đó con người lựa chọn những nguyên tắc về công lý, và đó là lý do mà Rawls gọi *Công lý như là công bằng*.

3.1.3. Hai nguyên tắc về công bằng

Hai nguyên tắc về công bằng được Rawls trình bày đầu tiên ở mục 11 của *Lý thuyết về công lý*, cụ thể, ông viết: “Phát biểu đầu tiên về hai nguyên tắc về công bằng có thể đọc như sau:

Thứ nhất: mỗi người đều có quyền bình đẳng với một hệ thống rộng lớn nhất các quyền tự do cơ bản tương thích với quyền tự do tương tự dành cho người khác.

Thứ hai: sự bất bình đẳng về xã hội và kinh tế phải được sắp xếp sao cho đồng thời: a) sự bình đẳng đó được kỳ vọng một cách chính đáng là mang lại lợi ích cho tất cả mọi người, và b) gắn với địa vị, chức vụ rộng mở với tất cả mọi người” [130, tr.60].

Sau đó, ông bổ sung và trình bày hai nguyên tắc này một cách đầy đủ hơn ở mục 46, cụ thể: “Nguyên tắc đầu tiên đó là mỗi người phải có quyền bình đẳng đối với toàn bộ hệ thống mở rộng nhất những quyền tự do bình đẳng cơ bản phù hợp với hệ thống tương tự về quyền tự do dành cho tất cả mọi người. Nguyên tắc thứ hai là những bất bình đẳng kinh tế xã hội phải được sắp xếp sao cho đồng thời a) đem lại lợi ích lớn nhất cho những người kém may mắn nhất, phù hợp với nguyên tắc tiết kiệm công bằng, b) gắn với vị thế và vị trí được mở rộng cho tất cả mọi người dưới những điều kiện của quyền bình đẳng công bằng về cơ hội” [130, tr.302].

3.1.4. Những biến đổi trong quan niệm về công bằng trong nước của Rawls

Sau *Lý thuyết về công lý*, Rawls đã có những thay đổi quan trọng trong quan niệm về công bằng trong nước. Rawls đã nỗ lực để chuyển “công lý như là công bằng” từ học thuyết toàn diện thành quan điểm chính trị cụ thể. Điều đó phần nào thể hiện trong cuốn sách *Chủ nghĩa tự do chính trị* và thể hiện cô đọng, tập trung trong *Công lý như là công bằng: sự trình bày lại*. Về lý do của sự thay đổi, Rawls đã chỉ ra trong *Chủ nghĩa tự do chính trị*. Rawls cho

rằng “Thực tế về sự đa dạng của các học thuyết toàn diện hợp lý nhưng không tương thích - thực tế của chủ nghĩa đa nguyên hợp lý - cho thấy rằng, như được sử dụng trong Lý thuyết, ý tưởng về một xã hội có trật tự tốt của công lý như là công bằng là không thực tế. Điều này là do nó không phù hợp với việc thực hiện các nguyên tắc của riêng mình trong những điều kiện tốt nhất có thể thấy trước. Do đó, quan niệm về sự ổn định của một xã hội trật tự trong phần III cũng mang tính không thực tế và phải được viết lại. Vấn đề này được thể hiện trong các bài luận sau (Lý thuyết), bắt đầu từ năm 1980. Sự mơ hồ về lý thuyết giờ đây đã được xóa bỏ và công lý với tư cách là công bằng được trình bày ngay từ đầu như một quan niệm chính trị về công bằng.”[132,tr.xix]. Ngoài ra, một lý do khiến Rawls sửa đổi “công lý như là công bằng” còn là do ông tiếp thu hoặc phản biện những phê bình của các nhà nghiên cứu về các luận điểm chính trong quan niệm công bằng của mình.

Nếu trong *Lý thuyết về công lý*, khi lập luận từ vị trí ban đầu dẫn tới hai nguyên tắc, Rawls chú trọng vấn đề lựa chọn hợp lý, nguyên tắc tối đa hóa trong xem xét vấn đề lựa chọn hai nguyên tắc về công bằng, thì ở các công trình sau, ông ít dựa vào nguyên tắc lựa chọn hợp lý mà tập trung diễn giải xung quanh quan niệm về con người, nhấn mạnh hai năng lực đạo đức của công dân. “Công lý như là công bằng” thúc đẩy sự phát triển hai năng lực đạo đức của công dân bằng cách đảm bảo những quyền tự do cơ bản để thực thi chúng, khuyến khích công dân theo đuổi một cuộc sống ý nghĩa, tương tác với nhau trên cơ sở tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau và yêu cầu những bất bình đẳng phải mang lại lợi ích cho mọi người. Bên cạnh sự thay đổi cách lập luận dẫn tới hai nguyên tắc về công bằng, Rawls cũng thay đổi nội dung của chúng

3.2. Quan niệm về công bằng quốc tế của Rawls

3.2.1. Những nguyên tắc điều chỉnh quan hệ giữa các dân tộc

Trong quan niệm về công bằng quốc tế, Rawls vẫn tiếp tục sử dụng những khái niệm công cụ tương tự như trong lý thuyết công bằng trong nước như khế ước, bức màn vô tri, khởi điểm ban đầu hay khởi điểm nguyên thủy. Sự khác biệt chính giữa hai lý thuyết công bằng chính là nếu trong lý thuyết công bằng trong nước, các cá nhân lý trí và tự do là những người đứng sau bức màn vô tri để lựa chọn nguyên tắc công bằng thì trong lý thuyết công bằng quốc tế, chỉ những dân tộc tự do mới chính là chủ thể hợp pháp để lựa chọn nguyên tắc công bằng sẽ được áp dụng cho các dân tộc. Rawls dùng thuật ngữ “dân tộc” thay vì “nhà nước” bởi theo ông nhà nước thường theo đuổi tham vọng mở rộng lãnh thổ, thay đổi các nhà nước khác theo tôn giáo của mình, mở rộng quyền cai trị nước khác, hoặc tăng sức mạnh kinh tế tương đối của nó, trong khi đó dân tộc là một nhóm những cá nhân được quản lý bởi một chính phủ chung, gắn kết bởi sự đồng cảm chung, quan niệm chung về quyền và sự công bằng. “Dân tộc” là một khái niệm được đạo đức hóa, và không phải tất cả nhà nước hiện có trên bản đồ thế giới đều thỏa mãn tiêu chuẩn này.

Rawls khẳng định khi đứng sau bức màn vô tri ở vị trí ban đầu thứ 2 (vị trí ban đầu hay vị trí ban đầu thứ nhất là khi các cá nhân đứng sau bức màn vô tri để lựa chọn nguyên tắc công bằng trong nước), các dân tộc sẽ lựa chọn 8 nguyên tắc đồng thuận sau:

“1. Các dân tộc đều tự do và độc lập, sự tự do và độc lập đó được các dân tộc khác tôn trọng.

2. Các dân tộc sẽ phải tôn trọng các hiệp ước và các công cuộc kinh doanh.

3. Các dân tộc bình đẳng và là các bên tham gia ký chúng.

4. Các dân tộc sẽ phải tôn trọng nghĩa vụ không can thiệp.

5. Các dân tộc có quyền bảo vệ mình nhưng không có quyền phát động chiến tranh vì bất kỳ lý do gì ngoài bảo vệ chủ quyền của mình.

6. Các dân tộc phải tôn trọng quyền con người.

7. Các dân tộc phải tôn trọng những giới hạn cụ thể nhất định về đạo đức chiến tranh.

8. Các dân tộc có nghĩa vụ hỗ trợ những xã hội sống trong điều kiện không thuận lợi vốn ngăn cản họ có được cơ chế chính trị xã hội công bằng hoặc tốt đẹp” [131, tr.37]

3.2.2. Nghĩa vụ hỗ trợ trong quan hệ quốc tế

Quan niệm của Rawls về nghĩa vụ hỗ trợ giữa các xã hội dựa trên quan niệm của ông về nhân quyền. Rawls phân biệt nhân quyền với các quyền dân chủ tự do được chủ nghĩa tự do chính trị yêu cầu. Nhân quyền được nhận thức như một loại quyền đặc biệt qui định những tiêu chuẩn cụ thể của các thể chế chính trị có khuôn phép. Từ chối quyền bầu cử hay quyền tự do hoạt động nghệ thuật của con người là xâm phạm nghiêm trọng đến công lý tự do nhưng điều đó không nghiêm trọng bằng việc từ chối cho họ quyền được sống, họ bị tra tấn hay bắt làm nô lệ, hoặc bắt giam họ vì lý do tôn giáo.

Các dân tộc độc lập có nghĩa vụ hỗ trợ các xã hội bị gánh nặng, phù hợp với nhu cầu cơ bản của họ để họ có thể trở thành thành viên độc lập trong xã hội của các dân tộc có trật tự tốt.

Kết luận chương 3

Như vậy, lý thuyết công bằng của Rawls “công lý như là công bằng” được chia thành hai quan niệm: quan niệm về công bằng trong nước được thể hiện chủ yếu trong tác phẩm *Lý thuyết về công lý*, *Chủ nghĩa tự do chính trị*, *Công lý như là công bằng: sự trình bày lại* và quan niệm về công bằng quốc tế thể hiện trong *Luật các dân tộc*. Và nếu quan niệm về công bằng trong nước được thể hiện qua các thuật ngữ, lý thuyết như điểm khởi đầu, kế ước xã hội, bức màn vô tri, 2 nguyên tắc về công bằng... thì ở quan niệm công bằng quốc tế, Rawls vẫn tiếp tục sử dụng những công cụ khái niệm tương tự như trong quan niệm công bằng trong nước. Sự khác biệt chính giữa hai quan niệm trên chính là nếu như với quan niệm công bằng trong nước, cá nhân hay công dân lý trí và tự do là những người đứng sau bức màn vô tri để lựa chọn nguyên tắc công bằng thì với quan niệm công bằng quốc tế, chỉ những dân tộc tự do mới chính là chủ thể hợp pháp để lựa chọn nguyên tắc công bằng sẽ được áp dụng cho các dân tộc. Có thể nói, quan niệm công bằng của Rawls trong các tác phẩm kể trên đều đề cao việc tôn trọng quyền bình đẳng của mọi người, giảm bớt sự bất lợi mang tính ngẫu nhiên thuộc về tự nhiên, xã hội trong khi vẫn đảm bảo trách nhiệm của cá nhân đối với các kết quả do sự lựa chọn của cá nhân đó mang lại (không phải do hoàn cảnh), đề cao vai trò của thể chế, nhà nước trong việc đảm bảo công bằng xã hội, hướng tới việc xây dựng một trật tự quốc tế hòa bình và ổn định hơn. Những quan niệm này của Rawls đã có ảnh hưởng lớn đến triết học chính trị đương đại

cũng như tác động không nhỏ tới chính sách xã hội của các nước phương Tây lúc bấy giờ. Dựa trên việc phê phán quan niệm công bằng của Rawls trong các tác phẩm này, nhiều nhà triết học đã đưa ra những quan niệm mới về công bằng, góp phần làm nên sự phong phú, đa dạng cho triết học chính trị phương Tây đương đại, như quan niệm về công bằng theo chủ nghĩa tự do cá nhân của Robert Nozick, công bằng nguồn lực của Ronald Dworkin, quan niệm công bằng theo lập trường của chủ nghĩa cộng đồng của Michael Sandel, quan niệm về công bằng toàn cầu của Thomas Pogge...

Chương 4: ẢNH HƯỞNG CỦA JOHN RAWLS TỚI QUAN NIỆM VỀ CÔNG BẰNG CỦA MỘT SỐ NHÀ TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ ANH – MỸ ĐƯƠNG ĐẠI KHÁC

4.1. Quan niệm của Robert Nozick về công bằng xã hội

Robert Nozick (1938 - 2002), cũng là một trong những nhà triết học chính trị Mỹ quan trọng nhất thế kỷ 20. Sinh thời, ông là đồng nghiệp của John Rawls tại trường Đại học Havard. Tác phẩm *Vô chính phủ, nhà nước và không tưởng* của ông được cho là lấy cảm hứng từ *Lý thuyết về công lý* của Rawls. Cũng như *Lý thuyết về công lý*, tác phẩm này của Nozick sau khi ra đời đã tác động mạnh mẽ tới giới triết học lúc bấy giờ và nhận được nhiều phê bình, bình luận. Trong *Vô chính phủ, nhà nước và không tưởng*, Nozick đã đưa ra quan niệm về công bằng dựa trên học thuyết về quyền để bảo vệ tự do thị trường, nhà nước tối thiểu và phê phán quan niệm ủng hộ nhà nước phúc lợi của Rawls.

Theo Nozick, chủ nghĩa tự do theo lập trường của Rawls đã thất bại trong việc đối xử với cá nhân như là mục đích của chính họ. Giống như lập luận của những người theo thuyết công lợi, nguyên tắc khác biệt của Rawls đối xử với cá nhân như là nguồn lợi cho cuộc sống của kẻ khác. Tôi sở hữu chính bản thân tôi, nên những bất lợi về tự nhiên không có quyền đòi hỏi gì đối với tôi hay tài năng của tôi. Điều này cũng đúng với tất cả những can thiệp vào trao đổi thị trường tự do. Chỉ có chủ nghĩa tư bản không bị giới hạn mới thừa nhận hoàn toàn quyền tự sở hữu chính bản thân mình. Chúng ta có thể tóm tắt luận điểm của Nozick qua hai điểm: *Một là*, sự phân phối lại theo học thuyết của Rawls (hoặc bất kỳ sự can thiệp mang tính cưỡng chế của chính phủ vào trao đổi thị trường) là không phù hợp với việc thừa nhận con người là chủ thể của chính anh ta. Chỉ có chủ nghĩa tư bản thừa nhận chính sự tự sở hữu cá nhân này. *Hai là*, thừa nhận con người là chủ sở hữu chính mình là yếu tố quan trọng để đối xử với con người ngang bằng nhau [107, tr.110].

4.2. Quan niệm của Michael Sandel về công bằng

Michael J. Sandel (sinh năm 1953) là nhà triết học chính trị người Mỹ, hiện đang là giáo sư giảng dạy môn triết học chính trị tại Đại học Havard. Ông từng được bầu làm viện sĩ Viện Hàn lâm Nghệ thuật và khoa học Mỹ năm 2002 và từng là thành viên Ủy ban Đạo đức sinh học của Tổng thống George W. Bush. Ông đã xuất bản nhiều tác phẩm như: *Chủ nghĩa tự do và giới hạn của công lý*, *Bất mãn trong nền dân chủ*, *Các tiểu luận về đạo đức trong chính trị*, *Lý lẽ chống lại sự hoàn hảo: Đạo đức trong thời đại chống lại kỹ thuật di truyền*, *Tiền không mua được gì?*, *Phải trái đúng sai...* Nhiều tác phẩm của ông đã được dịch sang hơn 18 thứ tiếng.

Cũng như Nozick, quan niệm về công bằng của Sandel cũng xuất phát từ việc phê phán lý thuyết công bằng của Rawls. Có thể nói quan niệm về công bằng của hầu hết các nhà triết học chính trị phương Tây đương đại, trong đó có Rawls đều xuất phát và xoay quanh mối quan hệ giữa điều đúng (quyền của con người) và điều tốt (tính thiện hay là cái tốt đẹp). Nếu những đại diện của chủ nghĩa tự do, điển hình là Rawls ưu tiên cho quyền hơn tính thiện, những nhà triết học công lợi đề cao yếu tố giá trị trong vấn đề công bằng thì Sandel cho rằng mối quan hệ không thể tách rời giữa quyền và tính thiện, nhận thức về cá nhân trong hoàn cảnh cụ thể, và việc tôn trọng vai trò của cảm xúc chính là những nền tảng cơ bản cấu thành nên quan niệm của ông về công bằng. Ngoài ra, Sandel cho rằng cái tôi trong quan niệm của Rawls mang tính trừu tượng, không phản ánh được bản chất của tồn tại người.

Trên cơ sở phê phán đó, Sandel đã đưa ra tư tưởng về cái tôi ràng buộc. Tư tưởng này được xem là hòn đá tảng trong quan niệm về công bằng của ông.

4.3. Quan niệm của Thomas Pogge về công bằng toàn cầu

Thomas Pogge, tên đầy đủ là Thomas Winfried Menko Pogge (sinh năm 1953) là nhà triết học gốc Đức, hiện đang làm giám đốc chương trình Công lý toàn cầu và là giáo sư giảng dạy môn Triết học và Quan hệ quốc tế của trường Đại học Yale. Ông có các tác phẩm tiêu biểu như: *Nhận thức về Rawls, Nghèo đói toàn cầu và quyền con người...* Quan niệm về công bằng của Pogge được thể hiện rõ trong tác phẩm *Nạn nghèo đói thế giới và Quyền con người*. Với tác phẩm này, Pogge được cho là đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa toàn cầu.

Thomas Pogge đã phát triển mô hình về công bằng toàn cầu trên cơ sở tiếp thu và phê phán quan niệm về công bằng của Rawls và những người theo chủ nghĩa công lợi hiện đại. Thomas Pogge tán thành các nguyên tắc về công bằng mà Rawls đưa ra trong *Lý thuyết về công lý* và cho rằng có thể áp dụng chúng, đặc biệt là nguyên tắc khác biệt ở phương diện toàn cầu.

4.4. Quan niệm của Amartya Sen về công bằng dựa trên cách tiếp cận năng lực

Amartya Sen (1933 -) là một nhà kinh tế học, triết học Ấn Độ nổi tiếng trên thế giới. Ông đã được trao giải Nobel kinh tế vào năm 1998 vì những đóng góp cho lý thuyết phúc lợi xã hội. Lý thuyết phúc lợi xã hội của ông thể hiện rõ nỗ lực kết hợp giữa việc tăng trưởng kinh tế và đảm bảo các giá trị tự do, công bằng, dân chủ... Bên cạnh đó, những tư tưởng về phát triển con người của ông cũng có nhiều đóng góp đáng kể cho việc xây dựng thành công bộ công cụ đo sự phát triển con người của các quốc gia (HDI), xây dựng Báo cáo phát triển con người của Liên Hiệp Quốc từ năm 1990.

Xét riêng ở lĩnh vực triết học, quan niệm về công bằng của Sen cũng được xem là một trong những quan niệm nổi bật về công bằng sau Rawls. Cùng với quan niệm của Martha Nussbaum, quan niệm về công bằng của Amartya Sen được xếp vào cách tiếp cận năng lực về công bằng. Đây là một trong những cách tiếp cận về công bằng có ý nghĩa thực tiễn cao, được nhiều quốc gia, tổ chức áp dụng để thúc đẩy công bằng, dân chủ... Cũng như các nhà triết học kể trên, quan niệm về công bằng của Rawls là một trong những nền tảng tư tưởng mà Sen tiếp thu, phê phán để hình thành nên quan niệm công bằng dựa trên cách tiếp cận năng lực của mình. Quan niệm về công bằng của Sen thể hiện tập trung trong *Tư tưởng về công bằng* (The

idea of justice), trong đó ông viết lời đề tặng cuốn sách này cho Rawls và dành gần một phần hai cuốn sách để bàn về lý thuyết công bằng của Rawls.

Sen cho rằng quan niệm công bằng của Rawls và những nhà triết học theo cách tiếp cận thể chế công bằng hoàn hảo đã bỏ qua thực tiễn sinh động, phong phú. Cũng giống Rawls, Sen đề cao vai trò của tài sản thiết yếu trong việc giúp các cá nhân theo đuổi một cuộc sống tốt đẹp nhưng ông không đồng tình với Rawls khi xem chúng là trọng tâm cho vấn đề công bằng trong phân phối. Có thể nói khái niệm trung tâm trong cách tiếp cận của Sen về công bằng chính là “năng lực. Khái niệm này được Sen lấy cảm hứng từ quan niệm của Aristotles về chức năng

4.5. Một số gợi ý cho việc thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay trên cơ sở đánh giá quan niệm về công bằng của John Rawls

Với lý thuyết “công lý như là công bằng”, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng Rawls đã lật đổ sự thống trị của chủ nghĩa công lợi trong nền dân chủ tự do và tái cấu trúc lại học thuyết kế ước xã hội như một hình thức thay thế đáng kể [77].

Công lý như là công bằng”, hai nguyên tắc về công bằng của Rawls không chỉ hướng tới việc khắc phục những bất bình đẳng về mặt tự nhiên mà còn đề hạn chế quan niệm về công bằng là sự xứng đáng về mặt đạo đức. Có thể khẳng định quan niệm về công bằng của Rawls không chỉ mang giá trị nhân văn mà còn nhấn mạnh vai trò của các thể chế trong việc đảm bảo công bằng xã hội.

Từ nghiên cứu quan niệm công bằng của Rawls đồng thời xem xét thực tiễn thực hiện công bằng xã hội của Việt Nam hiện nay, có thể chỉ ra một số gợi ý để góp phần thúc đẩy công cuộc đảm bảo công bằng xã hội ở nước ta như sau: Thứ nhất, cần cải cách thể chế một cách toàn diện; Thứ hai, cần tăng cường vai trò của nhà nước, chính phủ trong việc đảm bảo công bằng trong nước và trong hoạt động đối ngoại; Thứ ba, chính sách xóa đói giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam cần sâu sát với thực tế hơn, thay vì chú trọng phân phối của cải một cách công bằng, chúng ta cần nâng cao năng lực nhận thức cho các tầng lớp dân cư thông qua các hoạt động giáo dục, hướng nghiệp

Kết luận chương 4

Học thuyết “công lý như là công bằng” của Rawls đã tác động to lớn đến triết học chính trị Anh – Mỹ nói chung, quan niệm về công bằng của các nhà triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại nói riêng. Một mặt, quan niệm về công bằng của Rawls đã giúp triết học chính trị Anh – Mỹ hồi sinh, quay trở lại nghiên cứu những giá trị mang tính truyền thống, thay vì chỉ tìm cách xác minh khái niệm cho chính trị học. Mặt khác, trên cơ sở phê phán hay mở rộng, bổ sung quan niệm về công bằng của Rawls, các nhà triết học chính trị như Nozick, Sandel, Pogge, Sen đã phát triển quan niệm về công bằng của mình và trở thành những cách tiếp cận về công bằng tiêu biểu sau Rawls, trong đó quan niệm công bằng của Nozick là cách tiếp cận công bằng của chủ nghĩa tự do cá nhân, quan niệm công bằng của Sandel là một trong những quan niệm tiêu biểu của chủ nghĩa cộng đồng về công bằng, quan niệm công bằng của Thomas cho

thấy đặc trưng của cách tiếp cận công bằng toàn cầu và quan niệm công bằng của Sen là một trong hai quan niệm được nhắc đến nhiều nhất của cách tiếp cận công bằng dựa trên năng lực

KẾT LUẬN

John Rawls là một trong những nhà triết học chính trị Anh – Mỹ lỗi lạc nhất thế kỷ XX. Quan niệm của ông về công bằng đã có ảnh hưởng mạnh mẽ tới nhiều lĩnh vực như triết học, kinh tế, đạo đức... Có thể nói, quan niệm về công bằng của Rawls có thể chia ra làm hai giai đoạn: giai đoạn đầu, ông đưa ra quan niệm công bằng trong nước, được thể hiện chủ yếu trong tác phẩm *Lý thuyết về công lý*, *Chủ nghĩa tự do chính trị* và *Công lý như là công bằng: sự trình bày lại*; giai đoạn sau, ông đưa ra quan niệm về công bằng quốc tế, thể hiện trong *Luật các dân tộc*. Và nếu quan niệm về công bằng trong nước được thể hiện qua các thuật ngữ, lý thuyết như điểm khởi đầu, khế ước xã hội, bức màn vô tri, 2 nguyên tắc về công bằng... thì trong quan niệm về công bằng quốc tế, Rawls vẫn tiếp tục sử dụng những công cụ khái niệm tương tự như trên. Sự khác biệt chính giữa hai quan niệm của ông chính là nếu như trong quan niệm công bằng trong nước, cá nhân lý trí và tự do là những người đứng sau bức màn vô tri để lựa chọn nguyên tắc công bằng thì trong quan niệm công bằng quốc tế, chỉ những dân tộc tự do mới chính là chủ thể hợp pháp để lựa chọn nguyên tắc công bằng sẽ được áp dụng cho các dân tộc...

Có thể khẳng định, quan niệm công bằng của Rawls đề cao việc tôn trọng quyền bình đẳng của mọi người, giảm bớt sự bất lợi mang tính ngẫu nhiên thuộc về tự nhiên, xã hội trong khi vẫn đảm bảo trách nhiệm của cá nhân đối với các kết quả do sự lựa chọn của cá nhân đó mang lại (không phải do hoàn cảnh), hướng tới việc xây dựng một trật tự quốc tế hòa bình và ổn định hơn. Những quan niệm này của Rawls đã có ảnh hưởng lớn đến triết học chính trị đương đại cũng như tác động không nhỏ tới chính sách xã hội của các nước phương Tây lúc bấy giờ. Dựa trên việc phê phán quan niệm công bằng của Rawls trong các tác phẩm này, nhiều nhà triết học đã đưa ra những quan niệm mới về công bằng, góp phần làm nên sự phong phú, đa dạng cho triết học chính trị phương Tây đương đại, như quan niệm về công bằng theo chủ nghĩa tự do cá nhân của Robert Nozick, quan niệm công bằng theo lập trường của chủ nghĩa cộng đồng của Michael Sandel, quan niệm về công bằng toàn cầu của Thomas Pogge, công bằng dựa trên cách tiếp cận năng lực của Amartya Sen..

Từ nghiên cứu quan niệm công bằng của Rawls đồng thời xem xét thực tiễn thực hiện công bằng xã hội của Việt Nam hiện nay, có thể chỉ ra một số gợi ý để góp phần thúc đẩy công cuộc đảm bảo công bằng xã hội ở nước ta như sau: Thứ nhất, cần cải cách thể chế một cách toàn diện; Thứ hai, cần tăng cường vai trò của nhà nước, chính phủ trong việc đảm bảo công bằng trong nước và trong hoạt động đối ngoại; Thứ ba, chính sách xóa đói giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam cần sâu sát với thực tế hơn, thay vì chú trọng phân phối của cải một cách công bằng, chúng ta cần nâng cao năng lực nhận thức cho các tầng lớp dân cư thông qua các hoạt động giáo dục, hướng nghiệp.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Đoàn Thị Quý (2018), “Tình hình nghiên cứu quan niệm về công bằng của một số nhà triết học chính trị Anh – Mỹ đương đại ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục & Xã hội*, số 9, tr.106-110.
2. Đoàn Thị Quý (2019), “Quan niệm về công bằng của John Rawls trong “Lý thuyết về công lý”, *Tạp chí Giáo dục và xã hội*, số tháng 9, tr.98-102.
3. Đoàn Thị Quý (2020), “Quan niệm về công bằng quốc tế của John Rawls trong “Luật các dân tộc”, *Tạp chí Giáo dục và xã hội*, số tháng 10, tr.24-28.
4. Đoàn Thị Quý (2020), “Khái niệm “công bằng xã hội” trong một số công trình nghiên cứu ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục và xã hội*, số đặc biệt tháng 10, tr.194-196,206.